

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 18/2010/NQ-HĐND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 12 năm 2010

NGHỊ QUYẾT

**Về điều chỉnh mức thu phí qua các bến phà Thủ Thiêm,
Cát Lái và Bình Khánh trên địa bàn thành phố**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
KHÓA VII KỲ HỌP THỨ 19
(Từ ngày 07 đến ngày 10 tháng 12 năm 2010)**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân năm 2004;

Căn cứ Nghị quyết số 25/2008/QH12 ngày 14 tháng 11 năm 2008 của Quốc hội khóa XII về việc kéo dài nhiệm kỳ hoạt động 2004 - 2009 của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp;

Xét Tờ trình số 5073/TTr-UBND ngày 11 tháng 10 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố về điều chỉnh mức thu phí qua các bến phà Thủ Thiêm, Cát Lái và Bình Khánh trên địa bàn thành phố; Báo cáo thẩm tra số 432/BCTT-KTNS ngày 07 tháng 12 năm 2010 của Ban Kinh tế và Ngân sách Hội đồng nhân dân thành phố; ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Chấp thuận thông qua nội dung Tờ trình số 5073/TTr-UBND ngày 11 tháng 10 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố về điều chỉnh mức thu phí qua các bến phà Thủ Thiêm, Cát Lái và Bình Khánh trên địa bàn thành phố (*Đính kèm bảng phụ lục chi tiết*).

Thời gian thực hiện từ ngày 01 tháng 01 năm 2011.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân thành phố có kế hoạch triển khai và tổ chức thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh khóa VII kỳ họp thứ 19 thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2010./.

CHỦ TỊCH

Phạm Phương Thảo

PHỤ LỤC**Biểu mức thu phí qua các bến phà trên địa bàn thành phố
(bến phà Thủ Thiêm, Bình Khánh và Cát Lái)****áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2011***(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 18/2010/NQ-HĐND
ngày 08 tháng 12 năm 2010 của Hội đồng nhân dân thành phố)*

Số TT	Đối tượng qua phà	Đơn vị tính	Bến Thủ Thiêm	Bến Cát Lái	Bến Bình Khánh
1	Hành khách đi bộ	đồng/người	1.000	1.000	1.000
2	Hành khách đi xe đạp	đồng/người- xe	1.000	1.000	1.000
3	Hành khách đi xe gắn máy	đồng /người- xe	2.000	3.000	4.500
4	Xe thô sơ không hàng	đồng/xe	2.000	3.000	6.000
5	Xe thô sơ có hàng	đồng/xe	3.500	6.000	12.000
6	Xe 3 bánh	đồng/xe	6.000	6.000	8.000
7	Xe ô tô con dưới 7 chỗ ngồi	đồng/xe	11.000	15.000	23.000
8	Xe khách từ 7 đến 20 chỗ ngồi	đồng/xe	16.000	20.000	28.000
9	Xe khách từ 20 đến 30 chỗ ngồi	đồng/xe	18.000	22.000	31.000
10	Xe khách trên 30 chỗ ngồi	đồng/xe	22.000	30.000	46.000
11	Xe tải dưới 3 tấn	đồng/xe	17.000	25.000	39.000
12	Xe tải từ 3 đến dưới 5 tấn	đồng/xe	24.000	30.000	46.000
13	Xe tải từ 5 đến dưới 7 tấn	đồng/xe	36.000	48.000	77.000
14	Xe tải từ 7 đến dưới 10 tấn	đồng/xe	48.000	60.000	93.000

15	Xe tải từ 10 đến dưới 13 tấn hoặc xe đầu kéo không rơ móc	đồng/xe	60.000	72.000	108.000
16	Xe tải từ 13 đến dưới 15 tấn	đồng/xe	72.000	84.000	124.000
17	Xe tải từ 15 tấn trở lên	đồng/xe		108.000	185.000
18	Xe đầu kéo rơ móc	đồng/xe		144.000	232.000

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ